

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025



Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	3 - 4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	5
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	6 - 8
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	8 - 23

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 0306731335 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“Sở KH&ĐT”) Tỉnh Bình Dương cấp ngày 16 tháng 1 năm 2009, và theo GCNĐKDN gần nhất lần thứ 32 ngày 17 tháng 5 năm 2024.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDCKHCM”) với mã chứng khoán “MWG” theo Quyết định niêm yết số 253/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 7 tháng 7 năm 2014.

Hoạt động chính trong kỳ kế toán hiện tại của Công ty là quản lý các khoản đầu tư vào các công ty con.

Công ty có trụ sở chính tại Số 222, Đường Yersin, Phường Phú Cường, Thị Xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Tòa nhà MWG, Lô T2-1.2, Đường D1, Khu Công nghệ cao, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Đức Tài	Chủ tịch
Ông Trần Huy Thanh Tùng	Thành viên điều hành
Ông Đặng Minh Lượm	Thành viên điều hành
Ông Đoàn Văn Hiếu Em	Thành viên điều hành
Ông Thomas Lanyi	Thành viên không điều hành
Ông Robert Willett	Thành viên không điều hành
Ông Đào Thế Vinh	Thành viên độc lập
Ông Nguyễn Tiến Trung	Thành viên độc lập
Ông Đỗ Tiến Sĩ	Thành viên độc lập

ỦY BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên Ủy ban kiểm toán trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Tiến Trung	Chủ tịch
Ông Đào Thế Vinh	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Vũ Đăng Linh	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 3 tháng 4 năm 2025
Bà Lý Trần Kim Ngân	Kế Toán Trưởng	
Ông Trần Huy Thanh Tùng	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 3 tháng 4 năm 2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật trong kỳ và vào ngày lập báo cáo như sau:

Ông Vũ Đăng Linh	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 3 tháng 4 năm 2025
Ông Trần Huy Thanh Tùng	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 3 tháng 4 năm 2025

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động ("Công ty") trình bày báo cáo này và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 31 tháng 3 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ kỳ kế toán kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025 ("báo cáo tài chính hợp nhất") đề 25 tháng 4 năm 2025.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Vũ Đăng Linh
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Ngày 25 tháng 4 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

vào ngày 31 tháng 3 năm 2025

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		6.680.983.763.598	6.159.541.372.542
110	I. Tiền	4	24.825.276.793	10.166.536.777
111	1. Tiền		24.825.276.793	10.166.536.777
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		5.417.128.763.967	5.180.322.000.323
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	5.417.128.763.967	5.180.322.000.323
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.234.876.692.601	964.957.408.171
135	1. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	1.118.000.000.000	877.000.000.000
136	2. Phải thu ngắn hạn khác	7	116.876.692.601	87.957.408.171
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		4.153.030.237	4.095.427.271
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		52.189.489	22.837.246
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	10	4.100.840.748	4.072.590.025
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		19.997.525.975.034	20.002.876.222.422
250	I. Đầu tư tài chính dài hạn		19.988.608.896.059	19.988.608.896.059
251	1. Đầu tư vào các công ty con	9.1	20.136.758.211.707	20.136.758.211.707
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	9.1	(148.149.315.648)	(148.149.315.648)
260	II. Tài sản dài hạn khác		8.917.078.975	14.267.326.363
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	8.917.078.975	14.267.326.363
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		26.678.509.738.632	26.162.417.594.964

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		6.225.386.994.206	6.216.670.297.707
310	I. Nợ ngắn hạn		6.225.386.994.206	6.216.670.297.707
315	1. Chi phí phải trả ngắn hạn	11	322.473.469.861	266.595.773.351
319	2. Phải trả ngắn hạn khác		1.663.524.345	1.549.524.356
320	3. Vay ngắn hạn	12	5.901.250.000.000	5.948.525.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		20.453.122.744.426	19.945.747.297.257
410	I. Vốn chủ sở hữu	13.1	20.453.122.744.426	19.945.747.297.257
411	1. Vốn cổ phần		14.622.441.770.000	14.622.441.770.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		14.622.441.770.000	14.622.441.770.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		522.021.325.200	522.021.325.200
415	3. Cổ phiếu quỹ		(7.599.680.000)	(7.599.680.000)
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		5.316.259.329.226	4.808.883.882.057
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		4.808.883.882.057	2.180.582.129.650
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		507.375.447.169	2.628.301.752.407
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		26.678.509.738.632	26.162.417.594.964



Lý Trần Kim Ngân
Người lập kiêm Kế toán trưởng



Vũ Đăng Linh
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

25 tháng 4 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024
21	1. Doanh thu hoạt động tài chính	14	620.644.572.253	350.034.287.943
22 23	2. Chi phí tài chính - Trong đó: Chi phí lãi vay	15	(112.306.741.819) (96.867.420.825)	(224.460.509.566) (116.932.437.178)
26	3. Chi phí quản lý doanh nghiệp	16	(961.930.448)	(1.004.830.415)
30	4. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		507.375.899.986	124.568.947.962
32	5. Chi phí khác		(452.817)	-
40	6. Lỗ khác		(452.817)	-
50	7. Tổng lợi nhuận trước thuế		507.375.447.169	124.568.947.962
51	8. Chi phí thuế TNDN hiện hành	17.1	-	-
60	9. Lợi nhuận sau thuế TNDN		507.375.447.169	124.568.947.962



Lý Trần Kim Ngân
Người lập kiêm Kế toán trưởng



Vũ Đăng Linh
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

25 tháng 4 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		507.375.447.169	124.568.947.962
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		10.055.205.292	102.000.000.000
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(620.644.572.253)	(350.034.287.943)
06	Chi phí lãi vay	15	96.867.420.825	116.932.437.178
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(6.346.498.967)	(6.532.902.803)
09	Tăng các khoản phải thu		(28.250.723)	(38.011.113)
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		(72.127.509)	1.521.230.130
12	Giảm chi phí trả trước		5.320.895.145	5.490.572.388
14	Tiền lãi vay đã trả		(98.133.802.109)	(123.363.590.236)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(99.259.784.163)	(122.922.701.634)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(1.478.496.982.644)	(1.126.117.979.837)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		1.000.690.219.000	937.050.000.000
27	Tiền thu lãi từ tiền gửi, cho vay và cổ tức		591.725.287.823	338.251.144.919
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		113.918.524.179	149.183.165.082
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
32	Mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	(1.542.110.000)
34	Tiền trả nợ gốc vay		-	(300.000.000.000)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		-	(301.542.110.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		14.658.740.016	(275.281.646.552)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		10.166.536.777	286.884.379.540
70	Tiền cuối kỳ	4	24.825.276.793	11.602.732.988



Lý Trần Kim Ngân
Người lập kiêm Kế toán trưởng

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

25 tháng 4 năm 2025



Vũ Đăng Linh
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 3 năm 2025 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 0306731335 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“Sở KH&ĐT”) Tỉnh Bình Dương cấp ngày 16 tháng 1 năm 2009, và theo GCNĐKDN lần gần nhất lần thứ 32 ngày 17 tháng 5 năm 2024.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDCKHCM”) với mã chứng khoán “MWG” theo Quyết định niêm yết số 253/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 7 tháng 7 năm 2014.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là quản lý các khoản đầu tư vào các công ty con.

Công ty có trụ sở chính tại Số 222, Đường Yersin, Phường Phú Cường, Thị Xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Tòa nhà MWG, Lô T2-1.2, Đường D1, Khu Công nghệ cao, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Cơ cấu tổ chức

Vào ngày 31 tháng 3 năm 2025, Công ty có bảy (7) công ty con trực tiếp như sau:

Tên công ty	Trụ sở	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết (%)	
			Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Công ty con				
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Thương mại sản phẩm điện tử	99,95	99,95
Công ty Cổ phần Công nghệ và Đầu tư Bách Hóa Xanh	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quản lý khoản đầu tư	94,99	94,99
Công ty Cổ phần Thế giới Số Trần Anh	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Thương mại sản phẩm điện tử	99,33	99,33
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Công nghệ thông tin	100,00	100,00
Công ty Cổ phần 4K Farm	Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	Nông nghiệp	99,99	99,99
Công ty Cổ phần Logistics Toàn Tín	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Kho vận	-	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt - Sửa chữa - Bảo hành Tận Tâm	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ lắp đặt, bảo trì	99,99	99,99

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 9.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025 đề ngày 25 tháng 4 năm 2025.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền*

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng.

3.2 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.3 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty, và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.4 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.5 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau.

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.7 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.8 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

3.9 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.11 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

4. TIỀN

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Tiền gửi ngân hàng	24.825.276.793	10.166.536.777
TỔNG CỘNG	<u>24.825.276.793</u>	<u>10.166.536.777</u>

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	1.594.500.417.818	1.385.500.000.000
Khác (ii)	3.822.628.346.149	3.794.822.000.323
TỔNG CỘNG	<u>5.417.128.763.967</u>	<u>5.180.322.000.323</u>

(i) Đây là các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn dưới 1 năm và hưởng lãi suất áp dụng.

(ii) Đây là các khoản đầu tư vào trái phiếu và khoản đầu tư khác có kỳ hạn từ 6 tháng đến 1 năm và hưởng lãi suất áp dụng.

6. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Các công ty chứng khoán (i)	1.118.000.000.000	877.000.000.000

(i) Khoản phải thu cho vay thể hiện khoản cho vay bên thứ ba vay tín chấp có kỳ hạn 6 tháng và hưởng lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Lãi tiền gửi phải thu	39.075.380.565	32.318.547.082
Lãi trái phiếu phải thu	39.963.175.046	30.118.381.631
Lãi cho vay phải thu	37.838.136.990	25.520.479.458
TỔNG CỘNG	<u>116.876.692.601</u>	<u>87.957.408.171</u>

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Chi phí thu xếp khoản vay	<u>8.917.078.975</u>	<u>14.267.326.363</u>

9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 9.1)	20.136.758.211.707	20.136.758.211.707
Dự phòng khoản đầu tư dài hạn (Thuyết minh số 9.1)	<u>(148.149.315.648)</u>	<u>(148.149.315.648)</u>
TỔNG CỘNG	<u>19.988.608.896.059</u>	<u>19.988.608.896.059</u>

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

9.1 Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty con như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Ngày 31 tháng 3 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024			
			% sở hữu	Giá gốc đầu tư VND	Dự phòng VND	% sở hữu	Giá gốc đầu tư VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Công nghệ v Đầu tư Bách Hóa Xanh (*)	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quản lý khoản đầu tư	94,99	14.049.800.000.000		94,99	14.049.800.000.000	
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Thương mại sản phẩm điện tử	99,95	4.426.023.111.000		99,95	4.426.023.111.000	
Công ty Cổ phần Thế Giới Số Trần Anh	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Thương mại sản phẩm điện tử	99,33	860.937.300.707		99,33	860.937.300.707	
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Công nghệ thông tin	100	538.000.000.000		100	538.000.000.000	
Công ty Cổ phần 4K Farm	Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	Nông nghiệp	99,99	161.998.900.000	(148.149.315.648)	99,99	161.998.900.000	(148.149.315.648)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt - Sửa chữa - Bảo hành Tận Tâm	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ lắp đặt, bảo trì	99,99	99.998.900.000		99,99	99.998.900.000	-
TỔNG CỘNG				20.136.758.211.707	(148.149.315.648)		20.136.758.211.707	(148.149.315.648)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

				VND
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 31 tháng 3 năm 2025
Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.043.554.525	-	-	4.043.554.525
Thuế giá trị gia tăng	29.035.500	57.269.187	29.018.464	57.286.223
TỔNG CỘNG	4.072.590.025	57.269.187	29.018.464	4.100.840.748

11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

			VND
	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
Chi phí đảm bảo tỷ giá	308.345.525.209	251.015.319.915	
Chi phí lãi vay	13.440.412.149	14.706.793.433	
Khác	687.532.503	873.660.003	
TỔNG CỘNG	322.473.469.861	266.595.773.351	

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

12. VAY

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Giảm trong kỳ	Phân loại lại	Ngày 31 tháng 3 năm 2025
Ngắn hạn	5.948.525.000.000	-	(47.275.000.000)	5.901.250.000.000
Vay dài hạn từ ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 12.1)	5.948.525.000.000	-	(47.275.000.000)	5.901.250.000.000
Dài hạn	-	-	-	-
Vay dài hạn từ ngân hàng	-	-	-	-
TỔNG CỘNG	5.948.525.000.000		(47.275.000.000)	5.901.250.000.000

Trong đó:

Số có khả năng trả nợ

Vay ngắn hạn

Vay dài hạn

5.948.525.000.000

5.901.250.000.000

-

12.1 Vay ngân hàng

Công ty thực hiện các khoản vay tín chấp với lãi suất thả nổi nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động, chi tiết như sau:

Khoản vay	Ngày 31 tháng 3 năm 2025		Ngày đáo hạn
	VND	Gốc USD	
Khoản vay tín chấp ngân hàng dài hạn đến hạn trả	5.901.250.000.000	250.000.000	Ngày 16 tháng 9 năm 2025

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 3 năm 2025 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

13.1 *Tình hình tăng (giảm) nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025					
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	14.633.767.160.000	522.021.325.200	(9.783.280.000)	2.911.539.823.645	18.057.545.028.845
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	124.568.947.962	124.568.947.962
Cổ phiếu quỹ	-	-	(1.542.110.000)	-	(1.542.110.000)
Ngày 31 tháng 3 năm 2024	<u>14.633.767.160.000</u>	<u>522.021.325.200</u>	<u>(11.325.390.000)</u>	<u>3.036.108.771.607</u>	<u>18.180.571.866.807</u>
Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025					
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	14.622.441.770.000	522.021.325.200	(7.599.680.000)	4.808.883.882.057	19.945.747.297.257
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	507.375.447.169	507.375.447.169
Ngày 31 tháng 3 năm 2025	<u>14.622.441.770.000</u>	<u>522.021.325.200</u>	<u>(7.599.680.000)</u>	<u>5.316.259.329.226</u>	<u>20.453.122.744.426</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

13.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025</i>	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024</i>
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	14.622.441.770.000	14.633.767.160.000
Hủy cổ phiếu quỹ	-	-
Ngày 31 tháng 3 năm 2025	<u>14.622.441.770.000</u>	<u>14.633.767.160.000</u>

13.3 Cổ phiếu

	Số cổ phiếu	
	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2025</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.462.244.177	1.462.244.177
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.462.244.177	1.462.244.177
Số lượng cổ phiếu quỹ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(759.968)	(759.968)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.461.484.209	1.461.484.209

Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 VND thể hiện một quyền biểu quyết. không hạn chế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

14. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025</i>	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024</i>
Thu nhập từ cổ tức	499.722.985.260	249.861.492.629
Lãi thu từ trái phiếu	66.214.462.447	32.457.866.959
Lãi tiền cho vay	29.380.328.769	43.363.871.527
Lãi tiền gửi	25.326.795.777	24.351.056.828
TỔNG CỘNG	<u>620.644.572.253</u>	<u>350.034.287.943</u>

15. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025</i>	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024</i>
Chi phí lãi vay	96.867.420.825	116.932.437.178
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	10.055.205.292	102.000.000.000
Chi phí thu xếp khoản vay	5.350.247.388	5.528.072.388
Khác	33.868.314	-
TỔNG CỘNG	<u>112.306.741.819</u>	<u>224.460.509.566</u>

16. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025</i>	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024</i>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	153.993.225	37.290.000
Khác	807.937.223	967.540.415
TỔNG CỘNG	<u>961.930.448</u>	<u>1.004.830.415</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

17. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

17.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025</i>	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024</i>
Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế	507.375.447.169	124.568.947.962
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	101.475.089.434	24.913.789.592
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Thu nhập từ cổ tức	(99.944.597.052)	(49.972.298.526)
Lỗ thuế năm trước chuyển sang	(1.530.492.382)	-
Lỗ thuế chưa ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại	-	25.058.508.934
Chi phí thuế TNDN	-	-

17.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

18. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty trong kỳ và tại ngày 31 tháng 3 năm 2025 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	Công ty con
Công ty Cổ phần Công nghệ và Đầu tư Bách Hóa Xanh	Công ty con
Công ty Cổ phần Thế giới Số Trần Anh	Công ty con
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Công ty con
Công ty Cổ phần 4K Farm	Công ty con
Công ty Cổ phần Logistics Toàn Tín	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt - Sửa chữa - Bảo hành Tận Tâm	Công ty con
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Bán lẻ An Khang	Công ty con gián tiếp
MWG (Cambodia) Co., Ltd	Công ty con gián tiếp
PT Era Blu Elektronik	Công ty liên doanh
Ông Nguyễn Đức Tài	Chủ tịch HĐQT
Ông Trần Huy Thanh Tùng	Thành viên HĐQT
Ông Đặng Minh Lượm	Thành viên HĐQT
Ông Đoàn Văn Hiếu Em	Thành viên HĐQT
Ông Thomas Lanyi	Thành viên HĐQT
Ông Robert Willett	Thành viên HĐQT
Ông Đào Thế Vinh	Thành viên HĐQT và Thành viên Ủy ban Kiểm toán
Ông Nguyễn Tiến Trung	Thành viên HĐQT và Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán
Ông Đỗ Tiến Sĩ	Thành viên HĐQT
Ông Vũ Đăng Linh	Tổng Giám đốc

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ nay bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025</i>	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024</i>
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	Công ty con	Thu nhập từ cổ tức Lãi cho vay	499.722.985.260 -	249.861.492.629 43.363.871.527
Ông Robert Willett	Thành viên HĐQT	Chi phí tư vấn	605.225.132	563.633.182

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

19. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty



Lý Trần Kim Ngân
Người lập kèm Kế toán trưởng



Vũ Đăng Linh
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

25 tháng 4 năm 2025

